

DỰ THẢO
LẤY Ý KIẾN

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định
trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15, Luật số 21/2026/QH16;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 84/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 64/2020/QH14, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị

định trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 1. Bãi bỏ khoản, cụm từ của Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2018/NĐ-CP và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

1. Bãi bỏ cụm từ “, cấp lại” tại tên Điều 4, khoản 5 Điều 4.
2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4.

Điều 2. Bãi bỏ điều của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp

Bãi bỏ Điều 5.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 130/2022/NĐ-CP và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực phân bón thuộc địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ ngành có liên quan trong kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm trong lĩnh vực phân bón thuộc địa bàn quản lý.”.

2. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ và phụ lục như sau:

a) Bãi bỏ khoản 3 Điều 16; Điều 21; Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

b) Bỏ cụm từ “khoản 5 Điều 36, khoản 4 Điều 37, khoản 3 Điều 38,”, cụm từ “, khoản 3 Điều 42, khoản 3 Điều 44, khoản 4 Điều 45, khoản 4 Điều 46 và khoản 2 Điều 49” tại Điều 1;

c) Bỏ cụm từ “Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng;” tại điểm c khoản 2 Điều 17;

d) Bỏ cụm từ “và Điều 46” tại khoản 1, cụm từ “, cơ quan kiểm tra nhà nước” tại khoản 2, cụm từ “Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước chất lượng phân bón nhập khẩu đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm b, c, g khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt;” tại khoản 3 Điều 19;

đ) Bỏ cụm từ “, buôn bán” tại tên Chương III; khoản 3, khoản 4 Điều 25;

e) Bỏ cụm từ “, kiểm tra nhà nước về nhập khẩu phân bón”, cụm từ “và quảng cáo phân bón” tại tên Chương IV.

Điều 4. Bãi bỏ điều, khoản của Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 130/2022/NĐ-CP; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

Bãi bỏ khoản 1 Điều 1, Điều 7.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang liên minh Châu Âu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2022/NĐ-CP và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Tổ chức khảo nghiệm độc lập có chức năng khảo nghiệm giống cây trồng hoặc tổ chức có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khảo nghiệm giống cây trồng thực hiện kiểm tra lô ruộng lúa thơm theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Chứng nhận chủng loại gạo thơm

1. Hồ sơ đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm:

a) Đơn đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

b) Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm được kê khai đầy đủ thông tin từ mục 1 đến mục 9 theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu;

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Văn bản thỏa thuận chuyển giao Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm không đứng tên trong Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm.

2. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở).

Trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chứng nhận vào mục 10 mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len; trường hợp không chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 8 như sau:

“2. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị chứng nhận lại chủng loại gạo thơm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

b) Mẫu Giấy chứng nhận lại chủng loại gạo thơm được kê khai đầy đủ thông tin từ mục 1 đến mục 9 theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu;

c) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm đã chứng nhận.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở).

Trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chứng nhận vào mục 10 mẫu Giấy chứng nhận lại chủng loại gạo thơm tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với gạo thơm xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len; trường hợp không chứng nhận lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Trình tự thực hiện:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin từ các tổ chức, cá nhân; cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở) thực hiện thẩm tra thông tin và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo hủy bỏ Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm đã chứng nhận khi có đủ bằng chứng;

b) Thông tin về Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm đã hủy bỏ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Lưu trữ hồ sơ chứng nhận chủng loại gạo thơm dưới dạng văn bản hoặc bản điện tử trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận chủng loại gạo thơm.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Trách nhiệm của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Lưu trữ hồ sơ chứng nhận chủng loại gạo thơm đã cấp dưới dạng bản giấy hoặc bản điện tử trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày chứng nhận.

2. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Nghị định này trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.”.

7. Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12 như sau:

“Điều 12a. Trách nhiệm của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

1. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến việc chứng nhận chủng loại gạo thơm khi được yêu cầu; tuân thủ quy trình chứng nhận chủng loại gạo thơm; trả lời, giải đáp kiến nghị của tổ chức, cá nhân về chứng nhận chủng loại gạo thơm.

2. Công bố trên Cổng thông tin điện tử cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính danh sách; tên tổ chức, cá nhân được chứng nhận chủng loại gạo thơm, Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm đã cấp hoặc hủy bỏ; Danh mục chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang EU được cập nhật sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Ủy ban Thương mại Hiệp định EVFTA; Danh mục gạo thơm xuất khẩu sang UK được cập nhật sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Ủy ban Thương mại Hiệp định UKVFTA.

3. Lưu trữ hồ sơ chứng nhận chủng loại gạo thơm đã cấp dưới dạng bản giấy hoặc bản điện tử trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày chứng nhận.”.

8. Bãi bỏ Điều 6, khoản 3 Điều 11.

9. Thay thế phụ lục

a) Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP bằng Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP bằng Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Bãi bỏ khoản và thay thế biểu mẫu của Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

1. Bãi bỏ các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 1.

2. Thay thế phụ lục

a) Thay thế Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP bằng Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thay thế Phụ lục VIIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP bằng Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Bãi bỏ điều của Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác

Bãi bỏ Điều 2

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Người đăng ký là tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022, điểm d khoản 7 Điều 71 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và điểm a khoản 56 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2025.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 6 như sau:

“b) Trường hợp Đơn đăng ký chưa hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi

trường thông báo và nêu rõ lý do cho người đăng ký hoàn thiện. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoàn thiện Đơn, người đăng ký phải khắc phục các thiếu sót và nộp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và ban hành Thông báo chấp nhận đơn theo điểm a khoản 3 Điều này hoặc từ chối chấp nhận đơn và nêu rõ lý do.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“a) Khảo nghiệm DUS được thực hiện tại tổ chức khảo nghiệm độc lập có chức năng khảo nghiệm giống cây trồng hoặc tổ chức có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khảo nghiệm giống cây trồng hoặc cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp đối với giống cây lâm nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng).”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau

“2. Nội dung kiểm tra bao gồm: Việc thực hiện khảo nghiệm DUS theo Tài liệu khảo nghiệm DUS đối với loài cây trồng đăng ký; việc thu thập, ghi chép, lưu giữ số liệu, tài liệu phục vụ khảo nghiệm; việc sử dụng giống đối chứng và vật liệu khảo nghiệm; đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống khảo nghiệm theo Tài liệu khảo nghiệm DUS đối với loài cây trồng đăng ký.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 11 như sau:

“b) Trường hợp giống đăng ký không đảm bảo tính khác biệt hoặc tính đồng nhất hoặc tính ổn định hoặc đơn đăng ký không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 176 và điểm a khoản 1 Điều 178 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản về dự định từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng cho người đăng ký và nêu rõ lý do, ấn định thời hạn 05 ngày làm việc để người đăng ký khắc phục thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối.

Qua thời hạn trên mà người đăng ký không có ý kiến phản đối dự định từ chối một cách xác đáng hoặc không khắc phục được các thiếu sót, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng. Trường hợp người đăng ký khắc phục được các thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối một cách xác đáng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”.

6. Bãi bỏ, thay thế một số điều, khoản, điểm, cụm từ và phụ lục

a) Bãi bỏ khoản 4 Điều 8, Điều 29;

- b) Bỏ cụm từ “, cấp lại” tại điểm e khoản 1 Điều 34.
- c) Thay thế cụm từ “10 ngày làm việc” bằng cụm từ “07 ngày làm việc” tại khoản 3 Điều 7;
- d) Thay thế cụm từ “10 ngày làm việc” bằng cụm từ “06 ngày làm việc” tại điểm c khoản 2 Điều 13;
- đ) Thay thế cụm từ “15 ngày làm việc” bằng cụm từ “10 ngày làm việc” tại khoản 2 Điều 19;
- e) Thay thế cụm từ “10 ngày làm việc” bằng cụm từ “06 ngày làm việc”, cụm từ “20 ngày làm việc” bằng cụm từ “10 ngày làm việc” tại điểm b1, b2 khoản 3 Điều 23;
- g) Thay thế cụm từ “10 ngày làm việc” bằng cụm từ “04 ngày làm việc” tại điểm c khoản 7 Điều 27;
- h) Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “01 ngày làm việc” tại điểm d khoản 7 Điều 27, điểm d khoản 2 Điều 31;
- i) Thay thế cụm từ “15 ngày làm việc” bằng cụm từ “04 ngày làm việc” tại điểm c khoản 2 Điều 31;
- k) Thay thế cụm từ “06 ngày làm việc” bằng cụm từ “05 ngày làm việc” tại điểm c khoản 2 Điều 32.
- l) Thay thế Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP bằng Mẫu văn bản tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm và thay thế biểu mẫu của Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

1. Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 17, Phụ lục II, Mẫu số 39 Phụ lục V
2. Thay thế Mẫu số 26 Phụ lục I bằng Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.
3. Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 08 Phụ lục III bằng Mẫu số 02, Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kết quả khảo nghiệm giống cây trồng, kết quả kiểm tra lô ruộng lúa thơm của tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng được công nhận trước ngày 18 tháng 5 năm 2026 thì được sử dụng để công nhận lưu hành giống cây trồng, cấp Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm.

2. Các khảo nghiệm giống cây trồng, kiểm tra lô ruộng lúa thơm đang thực hiện tại tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng được công nhận trước ngày 18 tháng 5 năm 2026 thì được tiếp tục thực hiện và sử dụng để công nhận lưu hành giống cây trồng, cấp Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ

Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Mẫu Chứng nhận chủng loại gạo thơm đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU
Mẫu số 02	Mẫu Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc/Independence - Freedom – Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨNG LOẠI GẠO THƠM
AUTHENTICITY CERTIFICATE OF FRAGRANT RICE

Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) (*Specimen authenticity certificate referred to in the EVFTA*)

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu (tên và địa chỉ đầy đủ) <i>Exporter (Name and full address)</i>	GIẤY CHỨNG NHẬN (CERTIFICATE OF AUTHENTICITY) để xuất khẩu vào EU (<i>for export to the European Union</i>) Số No (ORIGINAL)
2. Người nhận hàng (tên và địa chỉ đầy đủ) <i>Consignee (Name and full address)</i>	được ban hành bởi (tên và địa chỉ đầy đủ của cơ quan ban hành) <i>issued by (Name and full address of issuing body)</i>
6. Mô tả sản phẩm (<i>Description of goods</i>)	3. Quốc gia và địa điểm trồng (<i>country and place of cultivation</i>)
	4. Quốc gia đến tại EU (<i>country of destination in EU</i>)
	5. Đóng gói 5 kg hoặc ít hơn (số bao) <i>Packing 5 kg or less (number of packings)</i>
7. Đóng gói trên 5 kg đến 20 kg (số bao) <i>Packing between 5 and 20 kg (number of packings)</i>	8. Khối lượng tịnh/ <i>Net weight (kg)</i> Khối lượng cả bì/ <i>Gross weight (kg)</i>
9. TUYÊN BỐ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XUẤT KHẨU/ <i>DECLARATION BY EXPORTER</i> Xác nhận mọi thông tin nêu trên là chính xác/ <i>The undersigned declares that the information shown above is correct</i> Địa điểm và ngày/ <i>Place and date:</i> Chữ ký/ <i>Signature</i> Dấu/ <i>Stamp:</i>	
10. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN/ <i>CERTIFICATION BY THE ISSUING BODY</i> xác nhận rằng loại gạo thơm mô tả trên là một trong giống gạo thơm đã được thỏa thuận trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), các thông tin trong giấy chứng nhận	

này là chính xác/ *It is hereby certified that the rice described above is one of the varieties of fragrant rice agreed in the EVFTA and that the information shown in this certificate is correct.*

Địa điểm và ngày/Place and date

Chữ ký/Signature

Dấu/Stamp:

11. CHO CƠ QUAN THÂM QUYỀN CỦA EU/*FOR COMPETENT AUTHORITIES IN THE EU*

Ghi chú: Tại mục 6. Mô tả sản phẩm (Description of goods) cần ghi các thông tin sau: Tên loại gạo thơm; loại gạo xuất khẩu: (gạo xay, xát....); quy cách đóng gói

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc/Independence - Freedom – Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨNG LOẠI GẠO THƠM (CẤP LẠI)
AUTHENTICITY CERTIFICATE OF FRAGRANT RICE (RE-ISSUE)

Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) (*Specimen authenticity certificate referred to in the EVFTA*)

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu (tên và địa chỉ đầy đủ) <i>Exporter (Name and full address)</i>	GIẤY CHỨNG NHẬN (CERTIFICATE OF AUTHENTICITY) để xuất khẩu vào EU (<i>for export to the European Union</i>) Số No (ORIGINAL)
2. Người nhận hàng (tên và địa chỉ đầy đủ) <i>Consignee (Name and full address)</i>	được ban hành bởi (tên và địa chỉ đầy đủ của cơ quan ban hành) <i>issued by (Name and full address of issuing body)</i> Giấy chứng nhận này thay thế cho chứng nhận số ngày do cấp/ <i>This Certificate replaces for the Certificate of Authenticity No dated on..... issued by</i>
	3. Quốc gia và địa điểm trồng (<i>country and place of cultivation</i>)
	4. Quốc gia đến tại EU (<i>country of destination in EU</i>)
	5. Đóng gói 5 kg hoặc ít hơn (số bao) <i>Packing 5 kg or less (number of packings)</i>
6. Mô tả sản phẩm (<i>Description of goods</i>)	7. Đóng gói trên 5 kg đến 20 kg (số bao) <i>Packing between 5 and 20 kg (number of packings)</i>
	8. Khối lượng tịnh/ <i>Net weight (kg)</i> Khối lượng cả bì/ <i>Gross weight (kg)</i>
9. TUYÊN BỐ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XUẤT KHẨU/ <i>DECLARATION BY EXPORTER</i> Xác nhận mọi thông tin nêu trên là chính xác/ <i>The undersigned declares that the information shown above is correct</i> Địa điểm và ngày/ <i>Place and date:</i> Chữ ký/ <i>Signature</i> Dấu/ <i>Stamp:</i>	
10. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN/ <i>CERTIFICATION BY THE ISSUING BODY</i>	

xác nhận rằng loại gạo thơm mô tả trên là một trong giống gạo thơm đã được thỏa thuận trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), các thông tin trong giấy chứng nhận này là chính xác/ *It is hereby certified that the rice described above is one of the varieties of fragrant rice agreed in the EVFTA and that the information shown in this certificate is correct.*

Địa điểm và ngày/Place and date

Chữ ký/Signature

Dấu/Stamp:

11. CHO CƠ QUAN THẨM QUYỀN CỦA EU/*FOR COMPETENT AUTHORITIES IN THE EU*

Ghi chú: Tại mục 6. Mô tả sản phẩm (Description of goods) cần ghi các thông tin sau: Tên loại gạo thơm; loại gạo xuất khẩu: (gạo xay, xát....); quy cách đóng gói

Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Mẫu Chứng nhận chủng loại gạo thơm đối với gạo thơm xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
Mẫu số 02	Mẫu Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm đối với gạo thơm xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

GIẤY CHỨNG NHẬN CHỦNG LOẠI GẠO THƠM
AUTHENTICITY CERTIFICATE OF FRAGRANT RICE

Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Hiệp định UKVFTA (*Specimen authenticity certificate referred to in the UKVFTA*)

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu (tên và địa chỉ đầy đủ) Exporter (Name and full address)	GIẤY CHỨNG NHẬN (CERTIFICATE OF AUTHENTICITY) để xuất khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (for export to the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland)	
2. Người nhận hàng (tên và địa chỉ đầy đủ) Consignee (Name and full address)	Số (No) (ORIGINAL)	
	được ban hành bởi (tên và địa chỉ đầy đủ của cơ quan ban hành) issued by (Name and full address of issuing body)	
	3. Quốc gia và địa điểm trồng (country and place of cultivation):	
	4. Quốc gia đến (country of destination):	
	5. Đóng gói 5kg hoặc ít hơn (số bao) Packing 5 kg or less (number of packings)	
6. Mô tả sản phẩm (Description of goods)	7. Đóng gói trên 5kg đến 20kg (số bao) Packing between 5 and 20 kg (number of packings)	
	8. Khối lượng tịnh/Net weight (kg) Khối lượng cả bì/ Gross weight (kg)	
9. TUYÊN BỐ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XUẤT KHẨU/DECLARATION BY EXPORTER Xác nhận mọi thông tin nêu trên là chính xác/The undersigned declares that the information shown above is correct		
Địa điểm và ngày/Place and date:	Chữ ký/Signature	Dấu /Stamp:

10. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN/ CERTIFICATION BY THE ISSUING BODY

xác nhận rằng loại gạo thơm mô tả trên là một trong giống gạo thơm đã được thỏa thuận trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, các thông tin trong giấy chứng nhận này là chính xác / *It is hereby certified that the rice described above is one of the varieties of fragrant rice agreed in the UKVFTA and that the information shown in this certificate is correct.*

Địa điểm và Ngày /Place and date

Chữ ký/Signature

Dấu /Stamp:

11. CHO CƠ QUAN THẨM QUYỀN CỦA UK/ FOR COMPETENT AUTHORITIES IN THE UK

Ghi chú / Notes: Tại mục 6. Mô tả sản phẩm cần ghi các thông tin sau: Tên loại gạo thơm; loại gạo xuất khẩu: (gạo xay, xát....); quy cách đóng gói:/ *At box 5. Description of goods: please provide the information: name of fragrant rice; types of rice for export: (husked, milled rice....); packing weight...*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc / Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨNG LOẠI GẠO THƠM (CẤP LẠI)
AUTHENTICITY CERTIFICATE OF FRAGRANT RICE (RE-ISSUE)

Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Hiệp định UKVFTA (*Specimen authenticity certificate referred to in the UKVFTA*)

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu (tên và địa chỉ đầy đủ) Exporter (Name and full address)	GIẤY CHỨNG NHẬN/CERTIFICATE OF AUTHENTICITY để xuất khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen (for export to the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland) Số (No) (ORIGINAL) được ban hành bởi (tên và địa chỉ đầy đủ của cơ quan ban hành) issued by (Name and full address of issuing body)	
2. Người nhận hàng (tên và địa chỉ đầy đủ) Consignee (Name and full address)	Giấy chứng nhận này thay thế cho chứng nhận số ngày... do ... cấp / This Certificate replaces for the Certificate of Authenticity No dated on issued by	
	3. Quốc gia và địa điểm trồng (country and place of cultivation):	
	4. Quốc gia đến (country of destination):	
	5. Đóng gói 5kg hoặc ít hơn (số bao) Packing 5 kg or less (number of packings)	
6. Mô tả sản phẩm (Description of goods)	7. Đóng gói trên 5kg đến 20kg (số bao) Packing between 5 and 20 kg (number of packings)	
	8. Khối lượng tịnh/Net weight (kg) Khối lượng cả bì/ Gross weight (kg)	
9. TUYÊN BỐ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XUẤT KHẨU/DECLARATION BY EXPORTER Xác nhận mọi thông tin nêu trên là chính xác/The undersigned declares that the information shown above is correct Địa điểm và ngày/Place and date: Chữ ký/Signature Dấu /Stamp:		
10. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN/ CERTIFICATION BY THE ISSUING BODY		

xác nhận rằng loại gạo thơm mô tả trên là một trong giống gạo thơm đã được thỏa thuận trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, các thông tin trong giấy chứng nhận này là chính xác / *It is hereby certified that the rice described above is one of the varieties of fragrant rice agreed in the UKVFTA and that the information shown in this certificate is correct.*

Địa điểm và Ngày /Place and date

Chữ ký/Signature

Dấu /Stamp:

11. CHO CƠ QUAN THẨM QUYỀN CỦA UK/ *FOR COMPETENT AUTHORITIES IN THE UK*

Ghi chú / Notes: Tại mục 6. Mô tả sản phẩm cần ghi các thông tin sau: Tên loại gạo thơm; loại gạo xuất khẩu: (gạo xay, xát....); quy cách đóng gói:/ *At box 5. Description of goods: please provide the information: name of fragrant rice; types of rice for export: (husked, milled rice....); packing weight...*

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Nghị định số 2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN KIỂM TRA KHẢO NGHIỆM DUS
DO NGƯỜI ĐĂNG KÝ TỰ THỰC HIỆN

1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm:
- Địa chỉ:.....
- Địa điểm khảo nghiệm:.....
2. Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):
3. Tên giống đăng ký:
4. Thành viên đoàn kiểm tra:
-
-
-
5. Nội dung kiểm tra:
-
-
-
6. Kết quả kiểm tra:.....
7. Các lỗi yêu cầu khắc phục:
8. Các hoạt động phải thực hiện để khắc phục:
9. Kết luận (nêu rõ thời gian phải gửi báo cáo khắc phục nếu có):

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm

**BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail: Website:

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Họ và tên:

Chức danh:

Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...ngày cấp:.../.../...nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:E-mail:

3. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:

Họ và tên:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:E-mail:

II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng:

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo)

- Diện tích nhà xưởng (m²):.....trong đó:+ Khu vực sản xuất (m²):.....+ Khu vực kho nguyên liệu (m²):+ Khu vực kho thành phẩm (m²):

2. Thống kê dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón:

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất	Nguồn gốc
I	Dây chuyền 1		
1			
2			
....			
II	Dây chuyền 2		
1			
2			
....			

3. Bản vẽ thiết kế dây chuyền sản xuất (bản vẽ kèm theo)
4. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất:.....
5. Lao động trực tiếp sản xuất phân bón (dự kiến):
6. Loại phân bón, công suất đăng ký sản xuất

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Công suất	Phương thức sử dụng
1				
2				
....				
Tổng cộng				

7. Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh (nếu có):

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 02

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm chứa thuốc bảo vệ thực vật:

3. Tên người đứng đầu cơ sở:

Số căn cước công dân: Ngày cấp: Nơi cấp

Địa chỉ:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Ngày cấp Nơi cấp

Đề nghị Quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Loại hình buôn bán:

☐ Cơ sở có cửa hàng

☐ Cơ sở không có cửa hàng

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về thuốc bảo vệ thực vật.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số căn cước công dân số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại:Email.....

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

....., ngày ... tháng ... năm...

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, đóng dấu/chữ ký số)